

Số: 78 /TB-ĐHTDM-HĐTSDH

Bình Dương, ngày 25 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

Mức điểm chuẩn (điểm sàn) nhận hồ sơ xét tuyển bằng kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo tổ hợp môn hệ đại học chính quy năm 2022

Tên trường: Trường Đại học Thủ Dầu Một

Mã trường: TDM

Loại hình trường: Công lập (đa ngành)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Mã phương thức tuyển sinh: 100** - Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
- Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và có kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.
- Chỉ tiêu tuyển sinh:** 20% tổng chỉ tiêu của từng ngành.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn):** Thí sinh có tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) theo thang điểm 30 bằng hoặc cao hơn mức điểm của Trường công bố tại Mục III của thông báo này là đủ điều kiện nộp hồ sơ ĐKXT.
- Số lượng nguyện vọng ĐKXT:** Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.
- Nguyên tắc xét tuyển:** Điểm trúng tuyển được xét theo từng ngành, xét kết quả từ cao xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu. Điểm trúng tuyển là tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) theo thang điểm 30, không nhân hệ số. Thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.
- Mức điểm khu vực và đối tượng được cộng vào tổng điểm xét tuyển của thí sinh:**

ĐIỂM KHU VỰC				ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG	
KV1	KV2-NT	KV2	KV3	01 - 04	05 - 07
0,75 điểm	0,5 điểm	0,25 điểm	0 điểm	2 điểm	1 điểm



II. THỜI GIAN VÀ THỦ TỤC NỘP HỒ SƠ

- 1. Thời gian đăng ký nguyện vọng:** Từ ngày 22/7/2022 đến 17h00 ngày 20/8/2022
- 2. Cách thức đăng ký nguyện vọng:** Thí sinh truy cập vào tài khoản đã được cấp tại: <http://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> để thực hiện đăng ký nguyện vọng.
- 3. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển:**
Trước 17h00 ngày 17/9/2022 Trường đại học Thủ Dầu Một công bố kết quả trúng tuyển tại: website <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn>. Thí sinh trúng tuyển Nhà trường sẽ thông báo bằng tin nhắn SMS tới số điện thoại mà thí sinh đã đăng ký.
- 4. Thời gian làm thủ tục nhập học:** Thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học trực tiếp tại Trường Đại học Thủ Dầu Một từ ngày 18/9/2022 đến 17h00 ngày 30/9/2022
- 5. Các tổ hợp có môn năng khiếu:**

Stt	Ngành	Mã tổ hợp môn	Môn thi năng khiếu
1	Giáo dục Mầm non	M00, M05, M07, M11	Hát; đọc kể chuyện diễn cảm
2	Kiến trúc, Mỹ thuật, Thiết kế Đồ họa, Truyền thông đa phương tiện	V00, V01, V05	Vẽ tĩnh vật (vẽ bằng viết chì)
3	Âm nhạc	N03, M03, M06, M10	Hát, thẩm âm, tiết tấu

Thí sinh đã dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Thủ Dầu Một (đã tổ chức thi vào ngày 17/7/2022) hoặc dự thi năng khiếu tại các trường đại học khác, lấy kết quả nộp về Trường Đại học Thủ Dầu Một

III. CÁC NGÀNH, TỔ HỢP VÀ MỨC ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng chỉ tiêu	Điểm chuẩn nhận hồ sơ (điểm sàn)
1	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, A16	350	18
2	Marketing	7340115	A00, A01, D01, A16	25	18
3	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, A16	250	17
4	Kiểm toán	7340302	A00, A01, D01, A16	20	15.5
5	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01, D07	25	16
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, A16	250	17
7	Quản lý Công nghiệp	7510601	A00, A01, C01, A16	140	16
8	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D90	180	18
9	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, C01, D90	220	18
10	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	7480205	A00, A01, C01, D90	10	15.5
11	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01, D90	100	15.5
12	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01, D90	100	15.5
13	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, C01, D90	90	15.5

14	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01, D90	50	15.5
15	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	A00, A01, C01, D90	20	15
16	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01, D90	180	18
17	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01, D90	70	15.5
18	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00, A16	40	15.5
19	Kỹ nghệ gỗ (Công nghệ chế biến lâm sản)	7549001	A00, A01, B00, D01	20	15
20	Âm nhạc	7210405	N03, M03, M06, M10	20	15
21	Mỹ thuật (Mỹ thuật ứng dụng)	7210407	D01, V00, V01, V05	15	15
22	Quản lý văn hóa	7229042	C14, C00, D01, C15	20	15
23	Thiết kế Đồ họa	7210403	V00, V01, A00, D01	125	16
24	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, D01, D09, V01	70	18
25	Du lịch	7810101	D01, D14, D15, D78	80	16
26	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, A01, D15, D78	370	18
27	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01, D78	310	18
28	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01, A01, D15, D78	60	18
29	Luật	7380101	C14, C00, D01, A16	310	18
30	Quản lý Nhà nước	7310205	C14, C00, D01, A16	170	17
31	Quản lý công	7340403	A01, D01, C00, C15	20	15
32	Quan hệ quốc tế	7310206	A00, C00, D01, D78	70	15
33	Quản lý Đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08	60	15
34	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08	60	15
35	Kỹ thuật Môi trường	7520320	A00, D01, B00, B08	15	15
36	Hóa học	7440112	A00, B00, D07, A16	50	15
37	Công nghệ Sinh học	7420201	A00, D01, B00, B08	50	15
38	Công nghệ Thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08	85	15.5
39	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19, C15	40	15
40	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08	60	15
41	Giáo dục học	7140101	C00, D01, C14, C15	30	15
42	Toán học	7460101	A00, A01, D07, A16	30	15
43	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, C00, D01, A16	100	Sẽ thông báo sau khi Bộ GD&ĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào
44	Giáo dục Mầm non	7140201	M00, M05, M07, M11	50	
45	Sư phạm Ngữ Văn	7140217	C00, D01, D14, C15	60	
46	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00, D01, C14, C15	30	

BẢNG MÃ TỔ HỢP

Mã	Tên môn tổ hợp
A00	Toán, Vật lí, Hóa học
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lí, Sinh học

Mã	Tên môn tổ hợp
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
D78	Ngữ văn, Tiếng Anh, Khoa học xã hội

A16	Toán, Ngữ văn, Khoa học Tự nhiên
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí
C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân
C15	Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội
C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh

D90	Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên
M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
M03	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Năng khiếu
M05	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu
M06	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
M07	Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu
M10	Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu
M11	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
N03	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
V00	Toán, Vật lí, Năng khiếu
V01	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu
V05	Ngữ văn, Vật lí, Năng khiếu

Học phí: Học phí thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

Stt	Khối ngành	Mức thu (đồng/tín chỉ/sinh viên)
1	Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật, Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên,	625.000
2	Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Dịch vụ xã hội, Môi trường và Bảo vệ môi trường, Nghệ thuật.	600.000
3	Khoa học tự nhiên	675.000
4	Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và Chế biến, Kiến trúc và xây dựng	725.000
5	Các học phần Kiến thức chung	600.000

* **Đối với các ngành sư phạm:** Học phí thực hiện theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Địa chỉ liên hệ:

Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> **Email:** trungtamtuyensinh@tdmu.edu.vn

Điện thoại: 0274.3835.677 - 0274.3844.340 - 0274.3844341

Fanpage: www.facebook.com/dhtdm2009 - **Hotline:** 0911.022.322

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TTTS.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



TS. Ngô Hồng Điệp